

TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

HỒ CHÍ MINH VỀ TÔN GIÁO - TƯ DUY SÁNG TẠO VÀ ĐỘC ĐÁO

NGUYỄN ĐỨC LŨ^(*)

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho thế hệ sau những di sản tư tưởng quý báu, trong đó có tư tưởng về tín ngưỡng, tôn giáo. Những lời di huấn, các bài viết, những cử chỉ, hành động cũng như phong cách ứng xử của Người đối với các tôn giáo nói chung và đối với tín đồ, giáo sĩ, nhà tu hành của Công giáo nói riêng là những bài học quý báu.

Những quan điểm của Hồ Chí Minh về tôn giáo được hình thành trong khoảng bốn thập niên, nhưng chia thành hai giai đoạn chính: Giai đoạn thứ nhất, trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 và giai đoạn thứ hai, từ năm 1945 đến năm 1969. Với những bức thư, bài viết, bài nói chuyện khác nhau, Hồ Chí Minh đã đề cập tới vấn đề tôn giáo trên nhiều bình diện. Những quan điểm ấy của Người, không ngừng phát triển và ngày càng hoàn thiện gắn liền với sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo được hình thành và phát triển trong hoàn cảnh lịch sử mà quan hệ giữa “Công giáo và Cộng sản” không mấy tốt đẹp. Có thể nói, trong khoảng 40 năm (từ những năm 20 đến những năm 60 của thế

kỉ XX, thời kì hình thành tư tưởng tôn giáo của Người) trong hàng ngũ chức sắc các tôn giáo (nhất là Công giáo) và những người cộng sản đã mắc phải không ít sai lầm, phiến diện khi nhận thức và ứng xử đối với nhau. Hồ Chí Minh là một trong số ít lãnh tụ cộng sản được hậu thế đánh giá cao, vì Người đã vượt qua được những hạn chế của lịch sử, để có những quan điểm, cách ứng xử mềm dẻo và đúng đắn với tôn giáo.

1. Bối cảnh lịch sử khi hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo

Vào nửa đầu thế kỉ XX, Giáo hội Công giáo, thông qua các Thông điệp xã hội đều trực tiếp biện hộ và bênh vực chế độ tư hữu, coi quyền tư hữu là quyền của Tạo hóa mà không một chính phủ nào bãi bỏ được. Đặc biệt là Thông điệp Divini Redemptoris (1937) do Giáo hoàng Piô XI đưa ra, bác bỏ chủ nghĩa cộng sản vô thần, với lời lẽ vu khống chủ nghĩa xã hội: “Gây sự giai cấp tương tranh kịch liệt, bài trừ mọi quyền sở hữu. Nó quyết đấu tranh cho đến khi đạt được chiến

*. PGS. TS., Trung tâm Tín ngưỡng-Tôn giáo, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

thắng. Không có việc gì nó không dám làm. Không có sự gì nó kính trọng. Chỗ nào nó đã chiếm lấy chính quyền, nó tỏ mình là dã man và vô nhân đạo đến cực độ⁽¹⁾.

Trước thái độ của Vatican như vậy, cũng một phần cắt nghĩa cho thái độ thiên về tả khuynh của Đảng Cộng sản Liên Xô cũng như các Đảng Cộng sản cầm quyền ở một số nước sau năm 1945.

Không thể phủ nhận quan điểm tôn giáo, chính sách tôn giáo của Liên Xô những thập niên sau Cách mạng tháng Mười là tiến bộ và đã đạt được những thành tựu nhất định.

Tuy vậy, cũng đã biểu hiện xu hướng tả khuynh đối với tôn giáo. Ngay năm 1919, Đảng Cộng sản Nga (Bôn-sê-vich), tại Đại hội VIII đã đưa vào Cương lĩnh (Điểm thứ 13) nội dung cụ thể là: “Đảng mong muốn hoàn toàn xóa bỏ mối dây liên hệ với giai cấp bóc lột và tổ chức tuyên truyền tôn giáo để tác động đến sự giải phóng thực sự quần chúng lao động khỏi thành kiến tôn giáo và tổ chức công tác tuyên truyền khoa học bài trừ mê tín và *chống tôn giáo rộng rãi nhất*”⁽²⁾ (NDL nhấn mạnh). Nếu Hiến pháp Liên Xô năm 1918 khẳng định quyền tự do tuyên truyền vô thần, thì Hiến pháp năm 1936 còn khẳng định một cách mạnh mẽ quyền tự do tuyên truyền chống tôn giáo được ghi rõ trong Điều 124 như sau: “Để đảm bảo cho công dân có quyền tự do tín ngưỡng, nhà thờ ở Liên Xô tách khỏi nhà nước và nhà trường tách khỏi nhà thờ. Công nhận quyền tự do theo các tôn giáo và *quyền tự do tuyên truyền chống tôn giáo cho mọi công dân*”⁽³⁾ (NDL nhấn mạnh). Vì

thế, trên thực tế ở một số địa phương của Liên Xô đã mắc không ít những sai lầm tả khuynh, nôn nóng muốn xóa bỏ, thủ tiêu tôn giáo trong CNXH. Hiện tượng tả khuynh đối với tôn giáo trên phương diện lý luận và thực tiễn không chỉ xảy ra ở Liên Xô, mà còn lan rộng ra cả hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Ngay từ năm 1927 (thời gian 1926 - 1927 Nguyễn Ái Quốc đang ở Trung Quốc), Mao Trạch Đông trong “*Báo cáo khảo sát phong trào nông dân Hồ Nam*” có một đoạn văn thể hiện rõ quan điểm về tôn giáo của người đứng đầu Đảng Cộng sản Trung Quốc khi đó: “Bụt là do nông dân dựng lên, đến một thời kì nào đó, nông dân sẽ dùng cả hai tay của họ mà vứt bỏ những ông Bụt này, chẳng cần người khác làm thay một cách quá sớm việc vứt bỏ ông Bụt”⁽⁴⁾.

Ở Việt Nam, thực dân Pháp ra sức lợi dụng tôn giáo, nhất là Giáo hội Công giáo, chống phá cách mạng nước ta. Sự câu kết giữa thực dân Pháp và Giáo hội Công giáo đã gây tổn thất không nhỏ cho cách mạng Việt Nam. Điều đó khiến cho thái độ định kiến, mặc cảm với tôn giáo, nhất là với Công giáo, trong cán bộ, đảng viên là điều khó tránh.

Trong hoàn cảnh ấy, Hồ Chí Minh vẫn tỉnh táo nhìn nhận tôn giáo một cách toàn diện, có thái độ mềm dẻo và đề ra

1. Đức Clêô XIII, Đức Gioan Phaolô II. *Các thông điệp xã hội*, Tài liệu tham khảo của Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Hà Nội, tr. 146.

2. Xem: Đỗ Quang Hưng. *Vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 39.

3. Xem: Sđd, tr. 32.

4. Đối Khang Sinh. *Chủ nghĩa xã hội và tôn giáo ở Trung Quốc*, Nxb. Nhân dân Giang Tây, 1996, Bản dịch của Viện Nghiên cứu Tôn giáo, tr. 51.

quan điểm và sự chỉ đạo công tác tôn giáo đúng đắn. Điều đó chứng tỏ Người đã vượt qua được những giới hạn của tư duy tôn giáo đương thời để nhìn nhận vấn đề tôn giáo với một nhãn quan khoa học và đầy tính nhân văn.

2. Những quan điểm độc đáo của Hồ Chí Minh về tôn giáo

Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam, nhưng lĩnh vực mà Người vận dụng một cách sáng tạo và độc đáo nhất, có lẽ đó chính là tôn giáo. Có thể thấy điều này ở mấy điểm cơ bản sau.

Một là, Hồ Chí Minh khẳng định tôn giáo ở Việt Nam khác với ở Châu Âu

Hồ Chí Minh là người theo và rất mực trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, nhưng vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh, điều kiện cụ thể ở Việt Nam. Vào năm 1924, trong bản “Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ” bằng tiếng Pháp ở Mátxcơva, mà sau này được giới lý luận đánh giá rất cao, Nguyễn Ái Quốc viết: “Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử Châu Âu. Mà Châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn bộ nhân loại”. Người thấy: “Dù sao cũng không thể cấm bổ sung “cơ sở lịch sử” của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm tư liệu mà Mác thời mình không thể có được... Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học Phương Đông. Đó chính là nhiệm vụ mà các Xô Viết đảm nhiệm”⁽⁵⁾.

Về vấn đề tôn giáo, Hồ Chí Minh cho

rằng: “Người An Nam không có linh mục, không có tôn giáo, theo cách nghĩ của Châu Âu. Việc cúng bái tổ tiên hoàn toàn là một hiện tượng xã hội. Chúng tôi không có những người tư tế nào... Chúng tôi không biết uy tín của thầy cúng, của linh mục là gì”⁽⁶⁾.

Người quan niệm đạo tổ tiên theo nghĩa rộng khi viết rằng: “Những người già trong gia đình hay các già bản là người thực hiện những nghi lễ tưởng niệm”⁽⁷⁾ và luôn nhắc nhở hậu thế ghi lòng, tạc dạ công ơn của các bậc tiền bối. Người cho tổ tiên có tôn kính thì anh em mới dễ thuận hòa. Người luôn tìm cách khơi dậy trong mỗi người dân niềm tự hào về con Rồng cháu Lạc, về nghĩa “đồng bào” và khuyên mọi người dân Việt dù có tôn giáo, tín ngưỡng, dân tộc, thế hệ khác nhau cũng đều phải có trách nhiệm với ông cha để gìn giữ những gì mà tổ tiên để lại: các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước.

Hai là, Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến sự tương đồng giữa lý tưởng tôn giáo với lý tưởng xã hội chủ nghĩa.

Khác với các nhà sáng lập học thuyết Mác - Lênin, Hồ Chí Minh không đấu tranh trực diện với quan điểm thần học, với giáo lý các tôn giáo mà thường nhấn mạnh sự tương đồng, mẫu số chung giữa khát vọng, lý tưởng của người dân lao động với lý tưởng của những người sáng lập các tôn giáo chân chính. Dù học

5. Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 1, Nxb. CTQG, H, 1995, tr. 465.

6. Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 1, Sđd, tr. 479.

7. Sđd: tr. 479.

thuyết tôn giáo và học thuyết mác xít, có điểm khác biệt, thậm chí đối lập với nhau, nhưng có những điểm tương đồng nhất định. Đó là, cả hai trào lưu, học thuyết này đều mong muốn mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội. Những năm qua nhiều người thường trích dẫn và đánh giá cao câu nói nổi tiếng của Hồ Chí Minh: “Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giêsu có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm của nó là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm của nó, chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước ta. Khổng Tử, Giêsu, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng những có điểm chung đó sao? Họ đều muốn mưu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội. Nếu hôm nay họ còn sống trên cõi đời này, nếu họ hợp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định chung sống với nhau rất hoàn mĩ như những người bạn thân thiết. Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy”⁽⁸⁾. Cũng cần nhớ rằng, cách nhìn nhận mới mẻ ấy về tôn giáo đã có ở một người cộng sản, không phải ở thời điểm hiện nay mà ở vào khoảng những năm giữa thế kỉ trước. Câu nói ấy, vào thời kì lịch sử ấy, quả là sự nhận thức về tôn giáo thật độc đáo và hiếm thấy.

Người nhận xét: “Mục đích cao cả của Phật Thích Ca và Chúa Giêsu đều giống nhau. Thích Ca và Chúa Giêsu đều muốn mọi người có cơm ăn, áo mặc, bình đẳng, tự do và thế giới đại đồng”⁽⁹⁾ và người cộng sản phấn đấu đầu phải nằm ngoài mục tiêu ấy. Thật ra: “Chủ nghĩa Cơ Đốc cũng như chủ nghĩa xã hội của công

nhân, cả hai đều đề xướng sự giải phóng nhân dân khỏi nô lệ và nghèo khổ”⁽¹⁰⁾. Không hề đối lập giữa lí tưởng tôn giáo với lí tưởng XHCN, mà Hồ Chí Minh còn thấy sự gặp nhau giữa các học thuyết này, đến mức Người khẳng định rằng: “Nếu đức Giêsu sinh ra vào thời đại chúng ta và phải đặt mình trước nỗi đau khổ của người đương thời, chắc chắn Ngài sẽ là một người xã hội chủ nghĩa đi tìm đường cứu khổ cho loài người”⁽¹¹⁾.

Điều đáng ngạc nhiên là, trong khi Nho giáo nói chung và Khổng Tử nói riêng bị lên án, phê phán ở ngay trên quê hương ông, người ta coi đó là dinh lũy cuối cùng của chế độ phong kiến thối nát⁽¹²⁾, thì Hồ Chí Minh lại tỏ ra không đồng tình và cho rằng: “Với việc xóa bỏ những lễ nghi tưởng niệm Khổng Tử, Chính phủ Trung Quốc đã làm mất đi một thể chế cũ và trái với tinh thần dân chủ”⁽¹³⁾. Hồ Chí Minh một mặt phê phán những yếu tố tiêu cực có trong Nho giáo, đồng thời Người đánh giá cao và khai thác những giá trị nhân bản trong các tác phẩm của Khổng Tử.

8. Câu trên được trích từ hai nguồn:

- Trần Dân Tiên. *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1970, trích theo Lê Hữu Nghĩa và Nguyễn Đức Lữ (đồng chủ biên), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo và công tác tôn giáo*, Nxb. Tôn giáo, H., 2003, tr. 206.

- Bản Trung văn của Trương Niệm Thúc, Nxb. Tam Liên, Thượng Hải, 6/1946, trích theo Viện Nghiên cứu Tôn giáo, *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng*, Nxb. KHXH, H., 1998, tr. 185.

9. Xem báo *Nhân dân*, số 38, ngày 27/12/1951.

10. Xem: Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2-2001.

11. Trần Tam Tĩnh. *Thập giá và lưỡi gươm*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 1988, tr.79.

12. Xem: *Lỗ Tấn Tuyển tập*, Nxb. Giáo dục, H., 1974.

13. Sdd, tập 2, tr. 454.

Hồ Chí Minh phê phán những hạn chế trong học thuyết của Khổng Tử khi người viết: “Những ông vua tôn sùng Khổng Tử... Họ khai thác Khổng giáo như bọn đế quốc khai thác Kitô giáo”⁽¹⁴⁾, “Nó không thể dung hợp được với trào lưu tư tưởng hiện đại, giống như một cái nắp tròn làm thế nào để có thể đậy kín được cái hộp vuông?”⁽¹⁵⁾. Nhưng đối với cá nhân Khổng Tử, Hồ Chí Minh vẫn rất tôn trọng: “Đạo đức của ông, học vấn của ông và những kiến thức của ông làm cho những người cùng thời và hậu thế phải khâm phục”⁽¹⁶⁾. Người ca ngợi: “Đạo đức của ông là hoàn hảo” và dự báo khả năng của Khổng Tử cũng giống như nhận định về Giêsu: “Cũng có khả năng là siêu nhân này chịu thích ứng với hoàn cảnh và nhanh chóng trở thành người kế tục trung thành của Lenin”⁽¹⁷⁾.

Từ những giá trị tốt đẹp cũng như hạn chế của Nho giáo, Hồ Chí Minh rút ra bài học: “Những người An Nam chúng ta hãy tự hoàn thiện mình, về mặt tinh thần bằng cách đọc các tác phẩm của Khổng Tử và về mặt cách mạng thì cần đọc các tác phẩm của Lenin”⁽¹⁸⁾.

Quả thực, khó có thể tìm thấy được một người nào lại đưa ra sự so sánh, đối chiếu lạ lẫm, nhưng rất có lí giữa những người sáng lập ra tôn giáo với lãnh tụ cộng sản như Hồ Chí Minh.

Ba là, Hồ Chí Minh luôn tôn trọng những người sáng lập ra một số tôn giáo lớn.

Trong điều kiện lịch sử, khi chưa có thể xây dựng được Thiên Đường, cõi Niết Bàn ở ngay nơi trần thế, thì dù mô hình xã hội không tưởng mà các vị giáo chủ của các tôn giáo hứa hẹn vẫn chỉ là thứ “hạnh phúc hư ảo của nhân dân”,

nhưng “thế giới” ấy vẫn phản ánh ước mơ, khao khát của con người về một xã hội lí tưởng. Và những người xây đắp ước mơ đó vẫn rất đáng được trân trọng. Hồ Chí Minh cho rằng Phật Thích Ca, Chúa Giêsu và Đức Khổng Tử đều là những “*vị thánh nhân*”, những “*nhà hiền triết*”. Họ đã từng hi sinh, phấn đấu cho hạnh phúc của con người, chống lại áp bức, bất công.

Đức Phật Thích Ca là bậc: “Đại từ bi cứu khổ, cứu nạn, muốn cứu chúng sinh ra khỏi khổ nạn, Người phải hi sinh tranh đấu diệt lũ ác ma”⁽¹⁹⁾, còn Chúa Giêsu: “Cả đời người chỉ lo cứu thế độ dân, hi sinh cho tự do bình đẳng”⁽²⁰⁾. Trong bức thư gửi cho đồng bào Công giáo nhân dịp lễ Noel năm 1945, Hồ Chí Minh viết: “Cách một nghìn chín trăm bốn mươi năm năm trước, cũng ngày hôm nay một vị thánh nhân là Đức Chúa Giêsu ra đời.

Suốt đời Ngài chỉ hi sinh phấn đấu cho tự do, cho dân chủ.

Từ ngày Ngài giảng sinh đến nay đã gần 2000 năm, nhưng tinh thần nhân ái của Ngài chẳng những không phai nhạt mà trải ra đã khắp, thấm vào sâu”⁽²¹⁾.

Còn đối với Tăng ni, Phật tử, trong bức thư gửi đồng bào Phật giáo, nhân

14. Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 2, Nxb. CTQG, H., 1995, tr. 453.

15. Sđd, tập 2, tr. 453.

16. Sđd, tập 2, tr. 452-453.

17. Sđd, tập 2, tr. 453-454.

18. Sđd, tập 2, tr. 454.

19. Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 197.

20. Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 490.

21. Sđd, tập 4, tr. 121.

ngày lễ Phật rằm tháng Bảy năm 1947, Người viết: “Tôi kính cầu cầu nguyện Đức Phật bảo hộ Tổ quốc và đồng bào ta... Nước có độc lập thì đạo Phật mới dễ mở mang... Nay đồng bào ta đại đoàn kết, hi sinh xương máu, kháng chiến đến cùng, để đánh tan thực dân phản động, để cứu quốc dân ra khỏi khổ nạn, để giữ quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc. Thế là chúng ta làm theo lòng đại từ bi của Phật Thích Ca, kháng chiến để đưa giống nòi ra khỏi khổ ải nô lệ”⁽²²⁾.

Với Khổng Tử là người đã “Khởi xướng thuyết đại đồng và truyền bá sự bình đẳng về tài sản. Ông thường nói: Thiên hạ sẽ thái bình khi thế giới đại đồng. Người ta không sợ thiếu chỉ sợ có không đều. Bình đẳng sẽ xóa bỏ nghèo nàn”⁽²³⁾.

Lịch sử đã chứng kiến có nhiều nhân vật ngoảnh lưng vào quá khứ, phủ nhận lịch sử. Trái lại, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn tôn trọng những giá trị đạo đức, văn hóa của nhân loại dù có phủ bên ngoài một màu sắc tôn giáo để gạt đục khơi trong, để giữ gìn tiếp biến.

Bốn là, Hồ Chí Minh tiếp thu có chọn lọc giá trị của tôn giáo

Về thực hành lối sống của nhà Phật, Hồ Chí Minh đã từng sống kham khổ như nhà tu hành, đã nghiên cứu giáo lý đạo Phật và am hiểu cả những kiến trúc chùa chiền. Theo lời của nghị sĩ Quốc hội Thái Lan Siphanôm Vishivarason kể lại: “Bác Hồ là vĩ nhân văn hóa. Năm 1927 Bác đã xây dựng nhà Phật to nhất của chùa Phôthixâmphon ở tỉnh UDon - Đông Bắc Thái Lan. Bác là người đứng ra chủ trì xây dựng nhà Phật cho hoàn thiện”⁽²⁴⁾.

Trong những bài viết của mình, Hồ Chí Minh nhiều lần dùng khái niệm thường thấy ở đạo Phật. Trong bài “*Sổ com nương áo*”, Hồ Chí Minh cũng đề cập đến việc đồng bào ta ai cũng sẵn lòng cứu khổ, cứu nạn, mà giúp đỡ lẫn nhau. Khi tuyên bố với quốc dân Hồ Chí Minh nói về tư tưởng khoan dung, không được báo thù, báo oán. Đối với những kẻ đi lầm đường lạc lối, đồng bào ta cần phải dùng chính sách khoan hồng. Lấy lời khôn lẽ phải mà bày cho họ.

Với Nho giáo, có thể nói rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh chịu khá nhiều ảnh hưởng của Nho giáo. Qua các bài viết, bài nói, Người đã bộc lộ sự hiểu biết sâu sắc về Nho giáo, về Khổng Tử và đặc biệt là vận dụng các kiến thức Nho học vào cuộc đấu tranh cách mạng và trong cuộc sống đời thường.

Nhiều khái niệm của Nho giáo, như: cần, kiệm, liêm, chính, nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, v.v... đều được Hồ Chí Minh tiếp thu, vận dụng. Nhưng điều quan trọng là Người không hề tiếp thu một cách máy móc, giáo điều mà đưa vào những nội dung mới, mục đích mới và nâng cao cho phù hợp với cuộc sống của thời đại mới: Bọn phong kiến ngày xưa nêu ra cần, kiệm, liêm, chính, nhưng không bao giờ làm mà lại bắt nhân dân phải tuân theo để phụng sự quyền lợi của chúng. Theo Người, ngày nay ta đề ra cần, kiệm, liêm,

22. Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 5, Nxb. CTQG, H, 1995, tr. 197.

23. Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 1995, tr. 35.

24. Phùng Hữu Phú, Đại Đức Thích Minh Trí. *Hồ Chí Minh với Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 1997, tr.16.

chính, cho cán bộ thực hiện làm gương cho nhân dân theo, để lợi cho dân cho nước.

Khái niệm trung, hiếu mà Hồ Chí Minh nêu ra cũng khác hẳn với khái niệm trung, hiếu của Nho giáo.

Người giải thích: “Cũng như ngày xưa trung là trung với Vua. Hiếu là hiếu với cha mẹ mình thôi.

Ngày nay, nước ta là dân chủ cộng hòa... trung là trung với Tổ quốc, hiếu là hiếu với nhân dân; ta thương cha mẹ ta, mà còn phải thương cha mẹ người, phải cho mọi người đều phải biết thương cha mẹ”⁽²⁵⁾.

Với Đạo giáo, Người cũng thể hiện sự hiểu biết sâu sắc của mình thông qua lối sống và lối sử dụng ngôn ngữ của Đạo giáo một cách tự nhiên. Ai có dịp tiếp xúc với Hồ Chí Minh, đều nhận thấy phảng phất ở Người nét ung dung tự tại, sự thanh thản, nếp sống thanh đạm. Những đặc điểm ấy ở Bác rất gần với tư tưởng của Lão Tử - đại biểu xuất sắc của Đạo giáo - là gạt bỏ cái quá mức, gạt bỏ cái xa hoa, gạt bỏ cái hào nhoáng. Trong chuyến đi Pháp, đi thăm nơi kỉ niệm Napoleon, Hồ Chí Minh cho rằng trong đời có nhiều người vì không *tri túc* mà thất bại! Nếu Napoleon biết gạt bỏ tham muốn quá mức thì chắc nước Pháp không đến nỗi vì chiến tranh mà chết người hại của. Tư tưởng *tri túc* ấy có trong Đạo giáo⁽²⁶⁾.

Như vậy, một cách gián tiếp chúng ta có thể nhận thấy Hồ Chí Minh tiếp thu và vận dụng một số tư tưởng triết học của Đạo giáo như tư tưởng sống chan hòa với tự nhiên, không màng danh lợi, tri túc, gạt bỏ cái thái quá, v.v... Và điều quan

trọng là vận dụng những tư tưởng này, tiếp thu cái đúng đắn đã được thực tiễn kiểm nghiệm để góp phần xây dựng nhân cách, lối sống của người cách mạng.

Năm là, Hồ Chí Minh có những quan điểm mới về quan hệ của tôn giáo với các lĩnh vực của đời sống xã hội

Việt Nam là một quốc gia gồm nhiều thành phần dân tộc cũng là quốc gia đa tôn giáo. Hồ Chí Minh rất quan tâm đến mối quan hệ này, tuy không bao giờ xem nhẹ vấn đề tôn giáo, nhưng theo Người vấn đề dân tộc được đặt lên hàng ưu tiên: “Nước không độc lập thì tôn giáo không được tự do, nên chúng ta phải làm cho nước độc lập đã”⁽²⁷⁾. Và: “Nước có độc lập thì đạo Phật mới dễ mở mang”⁽²⁸⁾.

Về mối quan hệ giữa đạo với đời, Hồ Chí Minh luôn chú ý để đáp ứng cả hai nhu cầu ấy. Nhưng nhu cầu vật chất cần quan tâm trước hết và trên hết. Người luôn hướng tín đồ các tôn giáo, sống tốt đời đẹp đạo và nhắc nhở các cấp uỷ Đảng phải thực sự quan tâm đến phần đời và phần đạo của bà con, làm sao cho họ “Phần xác ấm no, phần hồn thông dong”⁽²⁹⁾.

Hồ Chí Minh quan niệm tôn giáo vừa là một bộ phận cấu thành của văn hóa vừa là di sản văn hóa của nhân loại. Điều này đã được Người phát biểu rõ: “Ý nghĩa của văn hóa: vì lẽ sinh tồn cũng như mục

25. Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 5, Nxb. CTQG, H., 1995, tr. 640.

26. Xem thêm: Vũ Ngọc Khánh. *Minh triết Hồ Chí Minh*, Nxb. Văn hóa Thông tin, H., 1999 tr. 54.

27. Báo *Cứu quốc*, ngày 14/01/1946.

28. Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 5, Nxb. CTQG, H., 1995, tr. 197.

29. Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 5, Nxb. CTQG, tập 11, H., 1996, tr. 83-84.

đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn⁽³⁰⁾. Người đã chỉ thị cho các địa phương, cán bộ, quân dân phải giữ gìn di sản văn hóa có trong tôn giáo. Người rất chú ý khai thác những giá trị tốt đẹp về văn hóa có trong tôn giáo để kế thừa, bổ sung làm giàu thêm nền văn hóa của nước nhà.

Về tôn giáo với đạo đức, Hồ Chí Minh đã khái quát giá trị đạo đức có trong tôn giáo: “Chúa Giêsu dạy: Đạo đức là bác ái.

Phật Thích Ca dạy: Đạo đức là từ bi.

Khổng Tử dạy: Đạo đức là nhân nghĩa⁽³¹⁾.

Người cũng rất quan tâm đến những chuẩn mực đạo đức mang tính nhân loại như phẩm chất, ý chí, nghị lực, tư cách, lối sống, v.v... tức là những yếu tố cơ bản đánh giá phẩm chất, đạo đức con người của tôn giáo.

Là nhà hoạt động chính, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến tính chính trị của tôn giáo. Người vừa cương quyết đấu tranh chống lợi dụng tôn giáo, vừa động viên đồng bào có đạo đoàn kết cùng toàn dân tham gia sự nghiệp cách mạng.

Mối quan hệ giữa tôn giáo với CNXH, vốn là vấn đề mà người theo đạo thường trần trối. Trước luận điệu tuyên truyền,

xuyên tạc của bọn phản động rằng, cộng sản là những kẻ theo chủ nghĩa Tam vô: Vô gia đình, vô Tổ quốc và vô đạo, trước sau sẽ tiêu diệt tôn giáo. Hiểu tâm tư ấy, Hồ Chí Minh khẳng định rõ: “Ở các nước XHCN, tín ngưỡng hoàn toàn tự do. Ở Việt Nam cũng vậy⁽³²⁾. Người cũng nói rõ thêm, người cộng sản tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH: “Chẳng những không tiêu diệt tôn giáo mà còn bảo hộ tôn giáo. Đảng Cộng sản chỉ tiêu diệt tội ác người bóc lột người⁽³³⁾. Người phân biệt: “Những người Công giáo Việt Nam theo Pháp và bù nhìn, làm hại đồng bào, chẳng những là Việt gian, mà cũng là giáo gian. Còn những đồng bào Công giáo kháng chiến mới là tín đồ chân chính của Đức Chúa, vì những đồng bào ấy thực thà.

Phụng sự đức Chúa

Phụng sự Tổ quốc⁽³⁴⁾.

Người giải thích rõ để mọi người hiểu: “Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động thì được nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần dần được xóa bỏ (ví dụ: lấy vợ, lấy chồng quá sớm, cúng bái, liên hoan lu bù, lười biếng...). Tóm lại, xã hội ngày càng tiến,

30. Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 3, Nxb. CTQG, H., 1995, tr. 431.

31. Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 6, Nxb. CTQG, H., 1995, tr. 225.

32. Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 9, Nxb. CTQG, H., 1996, tr. 176.

33. Báo *Nhân dân*. Ngày 27/01/1955.

34. Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 6, Nxb. CTQG, H., 1996, tr. 443.

vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt, đó là chủ nghĩa xã hội⁽³⁵⁾.

Không ít tín đồ Công giáo có nhu cầu tham gia tổ chức Đảng, nhưng còn băn khoăn, ray rứt trong lòng giữa duy vật - duy tâm, vô thần - hữu thần, thì chính Người đã giải tỏa được nỗi trăn trở ấy: “Có anh em hỏi một người Công giáo có thể vào Đảng Lao động không? Có. Người tôn giáo nào vào cũng được, miễn là trung thành, hăng hái làm nhiệm vụ, giữ đúng kỷ luật của Đảng. Nước ta kinh tế lạc hậu, kỹ thuật kém, tôn giáo là duy tâm, cộng sản là duy vật, nhưng trong điều kiện hiện tại, người theo đạo vẫn vào Đảng được⁽³⁶⁾”.

Sáu là, Hồ Chí Minh thấu hiểu tâm lý tôn giáo và vận dụng trong công tác tôn giáo vận

Đối với người có đạo, đều có niềm tin tôn giáo, dù cho đó là niềm tin “hư ảo”, nhưng lại rất sâu sắc và bền vững. Đối tượng của niềm tin tôn giáo là niềm tin vào các lực lượng siêu nhiên và vào thế giới “bên kia”. Với người Công giáo, Chúa là đấng toàn năng, trên hết; còn “thế giới bên kia” là vĩnh hằng với “thượng, phạt công minh”. Còn Chúa được các tín đồ tôn vinh ở mức tối thượng. Trong Mười điều răn của Thiên Chúa đã khắc vào bia đá, thì trong đó có tới 3 điều răn đầu tiên là dành riêng cho Chúa. Điều răn thứ nhất là: *Phải thờ kính Thiên Chúa trên hết mọi sự*. Điều răn thứ 2 là: *Không được lấy danh Thiên Chúa để làm những việc phạm tục tầm thường*. Điều răn thứ 3 là: *Dành ngày Chủ nhật để thờ phụng Thiên Chúa*. Điều thứ 4 mới dành cho bố mẹ là “Thảo kính cha mẹ”. Qua đó đủ

thấy, với người Kitô giáo, Chúa quan trọng thế nào.

Hiểu tâm lý tôn giáo, Hồ Chí Minh đã gắn nhiệm vụ của cách mạng với lý tưởng của những người sáng lập ra tôn giáo. Đây cũng là một phương pháp độc đáo của Người về công tác tôn giáo vận, nhằm động viên tín đồ và chức sắc các tôn giáo tham vào cuộc đấu tranh cách mạng.

Để noi gương Chúa, Người khuyên: “Ở khắp nước, thì đồng bào Công giáo và ngoại Công giáo đương đem cả lực lượng giúp vào cuộc kháng chiến và kiến quốc! Tinh thần hi sinh phấn đấu tức là noi theo tinh thần cao thượng của Đức Chúa Giêsu⁽³⁷⁾”.

Người cho rằng, công cuộc kháng chiến, kiến quốc để giữ vững độc lập dân tộc cũng là phù hợp với ý Chúa: “Chúng ta kháng chiến cứu nước, thi đua tăng gia sản xuất và tiết kiệm, cải cách ruộng đất làm cho người cày có ruộng, tín ngưỡng tự do. Như thế là những việc Chính phủ và nhân dân ta làm, đều hợp với tinh thần Phúc âm. Cho nên tôi chúc đồng bào Công giáo làm trọn chính sách của Chính phủ cũng là làm trọn tinh thần của Chúa Cơ Đốc”.

Chúng ta kháng chiến trường kỳ và gian khổ, nhưng chúng ta nhất định thắng lợi và hưởng hạnh phúc thật sự như Chúa Cơ Đốc đã hứa với chúng ta⁽³⁸⁾.

35. Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 10, Nxb. CTQG, H, 1996, tr. 591.

36. Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 7, Nxb. CTQG, H, 1996, tr. 115.

37. Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 4, Nxb. CTQG, H, 1995, tr. 121.

38. Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 7, Nxb. CTQG, H, 1996, tr. 197.

Trong thư gửi đồng bào Công giáo nhân dịp Nôen năm 1953, Hồ Chủ tịch viết: “Đồng bào ta lương cũng như giáo, đoàn kết kháng chiến, ủng hộ chính sách ruộng đất, thực hiện người cày có ruộng tức là làm đúng lời dạy của Chúa Giêsu, tức là thật thà tôn kính Chúa Giêsu”⁽³⁹⁾. Khi cuộc kháng chiến của dân tộc ta bước vào thời kì ác liệt, Hồ Chí Minh viết thư cho đồng bào Công giáo, động viên: đồng bào ta “lương cũng như giáo, đoàn kết kháng chiến, ủng hộ chính sách ruộng đất, tức là làm đúng lời dạy của Chúa Giêsu, tức là thật thà tôn kính Chúa Giêsu”⁽⁴⁰⁾.

Trong nhiều bức thư gửi cho tín đồ, chức sắc Công giáo nhân dịp lễ Nôen, bao giờ Người cũng đặt Chúa lên trên Tổ quốc và nhân dân “Trên nhờ Đức Chúa, dưới nhờ nhân dân”, “phụng sự Thiên Chúa, phụng sự Tổ quốc”, “Thượng Đế và Tổ quốc muôn năm”. Điều đó chứng tỏ, Người rất hiểu tâm lí tôn giáo.

Còn đối với Tăng ni, Phật tử, trong bức thư gửi đồng bào Phật giáo, nhân ngày lễ Phật rằm tháng Bảy vào năm 1947, Người viết: “Tôi kính cần cầu nguyện Đức Phật bảo hộ Tổ quốc và đồng bào ta... Nước có độc lập, thì đạo Phật mới dễ mở mang... Nay đồng bào ta đại đoàn kết, hi sinh của cải, xương máu, kháng chiến đến cùng, để đánh tan thực dân phản động, để cứu quốc dân ra khỏi

khổ nạn, để giữ quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc. Thế là chúng ta làm theo lòng đại từ đại bi của Đức Phật Thích Ca, kháng chiến để đưa giống nòi ra khỏi khổ ải nô lệ”⁽⁴¹⁾.

Hồ Chí Minh là một chiến sĩ cách mạng kiệt xuất, một vị anh hùng dân tộc, một danh nhân văn hóa, là hiện thân của sự tích hợp văn hóa Đông Tây, là biểu trưng cho con người của tương lai. Ở Người hội tụ đủ cả đức từ bi của Phật, lòng bác ái của Chúa, tình nhân nghĩa của Khổng, phương pháp làm việc biện chứng của Mác và tinh thần cách mạng của Lênin.

Hồ Chí Minh đã vận dụng một cách sáng tạo và độc đáo quan điểm mácxít về tôn giáo vào hoàn cảnh cụ thể ở nước ta. Những quan điểm của Người về tôn giáo đã cuốn hút được nhiều người có đạo cùng người không có tín ngưỡng, tôn giáo tham gia trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Những quan điểm của Người về tôn giáo còn cần được tiếp tục nghiên cứu để vận dụng vào việc xây dựng chính sách và ứng xử với tôn giáo phù hợp với thời kì lịch sử mới./.

39. Báo *Nhân Dân*, ngày 21-25 tháng 12 năm 1953.

40. Báo *Nhân dân*, số ra ngày 21-25 tháng 12/1953.

41. Hồ Chí Minh *Toàn tập*, tập 5, Nxb. CTQG, H, 1995, tr. 197.